

Số: 33/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, Theo Quyết định mở phiên họp số 32/2020/QĐ-TA ngày 04/11/2020 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989

HKTT: Tổ 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 04, ngõ 3 đường Phan Huy Chú, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

2. Anh Trần Xuân N1, sinh năm 1979

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đ. (Vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:* Anh Trần Anh Đ; địa chỉ: Số nhà 02, ngách 8, ngõ 171 đường Vũ Quang, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn yêu cầu ly hôn; bản tự khai, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị N và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Xuân N1 trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 đăng ký kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc vào ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hơn hai năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ nhau. Nguyên nhân do quan

điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Năm 2015, anh N1 đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đ (CHLB Đ), vợ chồng sống cách xa nhau, ai lo bản thân người đó và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh N1 đang sinh sống lao động tự do tại CHLB Đ và có ý định định cư lâu dài bên này, chị N đang sinh sống tại Việt N1. Chị N và anh N1 đều nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên thống nhất thuận tình ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Gia Hân, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Xuân N1 T, sinh ngày 29/8/2015, hiện nay hai cháu đang sống với chị N. Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 thống nhất thỏa thuận giao hai con chung Trần Gia Hân và Trần Xuân N1 T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh N1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị N và anh N1 không vay mượn ai và cũng không cho ai vay mượn nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Trần Xuân N1 có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho anh Trần Anh Đ (em trai anh N1); CMND số 183321110; địa chỉ: Số nhà 02, ngách 8, ngõ 171 đường Vũ Quang, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Trần Xuân N1 hiện đang sinh sống tại CHLB Đ. Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an số 19041/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì anh Trần Xuân N1 đã xuất, nhập cảnh một lần vào năm 2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Anh Trần Xuân N1 có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho anh Trần Anh Đ (em trai anh N1); CMND số 183321110; địa

chỉ: Số nhà 02, ngách 8, ngõ 171 đường Vũ Quang, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Trần Xuân N1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 hạnh phúc được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên ngày càng có sự khác biệt về suy nghĩ nên không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau. Nay, các đương sự đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong T hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).

Như vậy, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1 đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh N1 có hai con chung là Trần Gia Hân, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Xuân N1 T, sinh ngày 29/8/2015, hiện nay hai cháu đang sống với chị N, được chị N chăm sóc tốt, các cháu đều phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Anh N1 hiện đang sinh sống tại CHLB Đ. Chị N và anh N1 đã thống nhất giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và anh N1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Xuân N1

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Trần Gia Hân, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Xuân N1 T, sinh ngày 29/8/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trần Xuân N1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị N (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000062 ngày 14/10/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Thạch Hà;
- UBND phường Hà Huy Tập;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền